



**BOURBON**  
TAY NINH



*Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị*

**Báo Cáo Thường Niên 2008**



## MỤC LỤC

<b>A. Báo Cáo Thường Niên 2008 .....</b>	<b>03 - 21</b>
<b>I. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT .....</b>	<b>04</b>
<b>II. Thông tin Công ty .....</b>	<b>05</b>
1. Thông tin Công ty .....	05
2. Các dự án đang triển khai .....	06
2.1 Dự án Espace Bourbon Tây Ninh (EBTN).....	06
2.2 Dự án Khu công nghiệp Bourbon An Hòa (BAC) .....	07
<b>III. Tổ chức và nhân sự .....</b>	<b>08</b>
1. Giới thiệu thành viên HĐQT .....	08
2. Giới thiệu thành viên Ban Kiểm Soát .....	08
<b>IV. Thông tin cổ đông .....</b>	<b>09</b>
1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm tháng 02/2009 (chốt danh sách ĐHCĐ thường niên năm 2009) .....	09
2. Cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ .....	09
3. Các cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ .....	09
<b>V. Báo cáo của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm Soát .....</b>	<b>10</b>
1. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị .....	10
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả SXKD năm 2008 & kế hoạch năm 2009 .....	12
3. Báo cáo của Ban Kiểm Soát .....	17
<b>B. Báo Cáo Tài Chính Đã Kiểm Toán Năm 2008 .....</b>	<b>22 - 52</b>

Chịu trách nhiệm nội dung: Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh.

Thiết kế và thực hiện: Công ty Thiết kế In ấn Hoa Việt - ĐT: 08.39919384





## **Báo cáo thường niên 2008**



**BOURBON**  
TAY NINH





Jacques de CHATEAUVIEUX  
Chủ Tịch

## I. THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng ta vừa trải qua một năm đầy sóng gió và lại tiếp tục đương đầu với những thách thức mới trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang suy thoái. Các thành viên HĐQT của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh luôn nhận thức được trách nhiệm cao cả nhưng cũng rất nặng nề mà các cổ đông đã tin tưởng giao phó. Chúng tôi luôn giám sát và chỉ đạo chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc thực thi các kế hoạch đồng thời cũng luôn chia sẻ, động viên tập thể lãnh đạo, người lao động của Công ty trong những lúc khó khăn. Và thật may mắn là chúng ta có được một đội ngũ rất đoàn kết, nhiệt tình và hiệu quả, có được sự quan tâm, ủng hộ từ các cấp chính quyền địa phương tỉnh Tây ninh và đông đảo bà con nông dân.

Hơn ai hết, chúng tôi cũng hiểu được những thiệt hại to lớn mà các Quý cổ đông của Công ty đang gặp phải do từ ngày SBT niêm yết, chỉ số Vn-Index nói chung và giá cổ phiếu của SBT nói riêng bị sụt giảm nghiêm trọng. Dẫu vẫn biết rằng đó là xu hướng chung của thị trường, vẫn biết rằng bản thân chúng tôi cũng thiệt hại không nhỏ, vẫn biết rằng hoạt động cơ bản của Công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong năm qua và đang có chiều hướng phát triển tốt, nhưng Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc vẫn không khỏi á ngại khi không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mà Đại Hội Đồng Cổ Đông đã giao phó.

Chúng tôi hy vọng tình hình kinh tế trong nước và thế giới sẽ mau chóng phục hồi. Hội Đồng Quản Trị chúng tôi cũng sẽ có những quyết sách ứng phó phù hợp với diễn biến của thị trường để bảo toàn và phát triển tài sản của các quý cổ đông đã ủy thác vào Công ty.

Thay mặt HĐQT Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, tôi chân thành cảm ơn những cổ đông đã có mặt cùng chúng tôi từ những ngày đầu cổ phần hóa và vẫn tiếp tục ở lại cùng chúng tôi “vượt bão”. Tôi trân trọng kính chúc tất cả các Quý cổ đông của Công ty luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, thành công mỹ mãn trong cuộc sống và sự nghiệp.

THAY MẶT HĐQT CÔNG TY CP BOURBON TÂY NINH  
CHỦ TỊCH

Jacques de CHATEAUVIEUX



## II. THÔNG TIN CÔNG TY

### 1. Thông tin công ty:

- Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh cấp phép ngày 23/03/2007 với vốn điều lệ 1.419 tỷ đồng, tiền thân là Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh do tập đoàn Bourbon (Pháp) sở hữu 100%.
- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH
- Tên giao dịch: SOCIETE DE BOURBON TAY NINH
- Tên viết tắt: SBT
- Mã chứng khoán: SBT
- Niêm yết tại Sàn Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày niêm yết: 25/02/2008
- Tổng số cổ phần phát hành: 141.925.800 cổ phần
- Số lượng cổ phần niêm yết: 44.824.172 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy: Xã Tân Hưng – huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh
- Văn phòng thương mại : Tòa nhà E-Town 2 – Số 364 đường Cộng Hòa – Quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 066.3753250 – Fax: 066.3839834
- Website: www.bourbontn.com.vn
- Email: sbttinh@hcm.vnn.vn

### ▪ Ngành nghề kinh doanh:

Từ khi thành lập, ngành nghề chính của Công ty là sản xuất đường và các phụ phẩm có liên quan. Ngay sau khi cổ phần hóa, Công ty đã bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh để đáp ứng nhu cầu phát triển. Hiện nay các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đầu tư bao gồm:

- Sản xuất đường, các sản phẩm phụ
  - Trồng cây mía, đầu tư phát triển mía
  - Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường
  - Sản xuất điện thương phẩm và điện để tự sử dụng từ nguyên liệu chính là bã mía và/hoặc than đá
  - Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp
  - Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng
  - Xây dựng và kinh doanh nhà hàng, khách sạn
- **Năng lực sản xuất :**
- SBT hiện đang sở hữu 1 nhà máy sản xuất đường tinh luyện cao cấp theo tiêu chuẩn Châu Âu thương hiệu Mimosa, công suất thiết kế 8.000 tấn mía cây/ngày tương đương 100.000 đến 120.000 tấn đường thành phẩm/năm. Các sản phẩm phụ gồm mật rỉ, điện sản xuất từ bã mía để tiêu dùng nội bộ và bán cho tập đoàn điện lực Việt Nam
  - Các chi nhánh trực thuộc tại Tây Ninh gồm 1 trại thực nghiệm mía rộng 33,8ha, 1 trại mía giống rộng 160ha, 1 hệ thống kho cảng bên sông Vàm Cỏ Đông.



## 2. Các dự án đang triển khai:

### 2.1 Khu Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh (EBTN)

Dự án EBTN là một công trình phức hợp bao gồm 02 tầng hầm, 12 tầng lầu tách khối có lối kiến trúc hiện đại, trong đó :

- Tầng hầm 2 : là tầng để xe ô tô và xe gắn máy và khu vực kỹ thuật cho toàn bộ tòa nhà.
- Tầng hầm 1 đến tầng 2 : trung tâm thương mại, siêu thị
- Tầng 3 : Trung tâm hội nghị, trung tâm tiệc cưới, phòng hội thảo chuyên đề, nhà hàng.
- Tầng 4 – tầng 12 : văn phòng cho thuê, khách sạn, căn hộ cao cấp
- Để kịp đưa trung tâm thương mại vào khai thác trong thời gian sớm nhất, dự án sẽ được chia làm 02 giai đoạn đầu tư :
  - o Giai đoạn 1 : Trung tâm thương mại, siêu thị, hội nghị, tiệc cưới thực hiện từ năm 2008 đến 2010.
  - o Giai đoạn 2 : xây 02 tháp khách sạn (tháp 01) và căn hộ, văn phòng cho thuê (tháp 02) từ tầng 04 đến tầng 12 thực hiện từ năm 2011 đến 2014

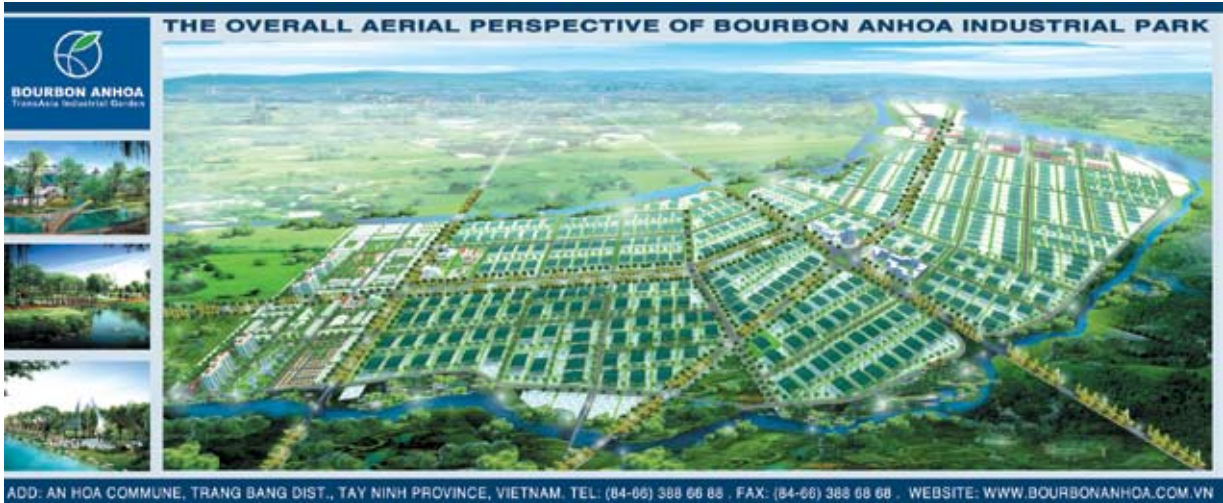
#### Văn phòng Ban Quản Lý Dự Án:

- Số 217-219 đường 30/4, Khu Phố 3, Phường 2, Thị Xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
- Tel : 066.3 646 999
- Fax : 066.3 622 623
- Email : sbttinh@hcm.vnn.vn



PHỐI CẢNH KHU TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI ESPACE BOURBON TÂY NINH





## 2.2 Dự án Khu Công nghiệp Bourbon An Hòa

Với mục tiêu là xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Bourbon An Hòa quy mô 760ha tại xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tổng vốn đầu tư của dự án là 2.572.056.000.000 đồng (hai ngàn năm trăm bảy mươi hai tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng).

Dự án được chia 2 giai đoạn:

Giai đoạn 1: dự kiến thực hiện từ năm 2009 đến 2012. quy mô 358ha

Giai đoạn 2: dự kiến thực hiện từ năm 2013 đến 2016. quy mô 402ha

Trong năm 2009, Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa sẽ thực hiện công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đến năm 2010 tiến hành đầu tư kỹ thuật giai đoạn 1 và khu tái định cư

### Văn phòng Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa:

- Địa chỉ: ấp An Hội, xã An Hòa, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
- Tel: (84-66) 3 88 66 88
- Fax: (84-66) 3 88 68 68
- Website: [www.bourbonanhhoa.com.vn](http://www.bourbonanhhoa.com.vn)



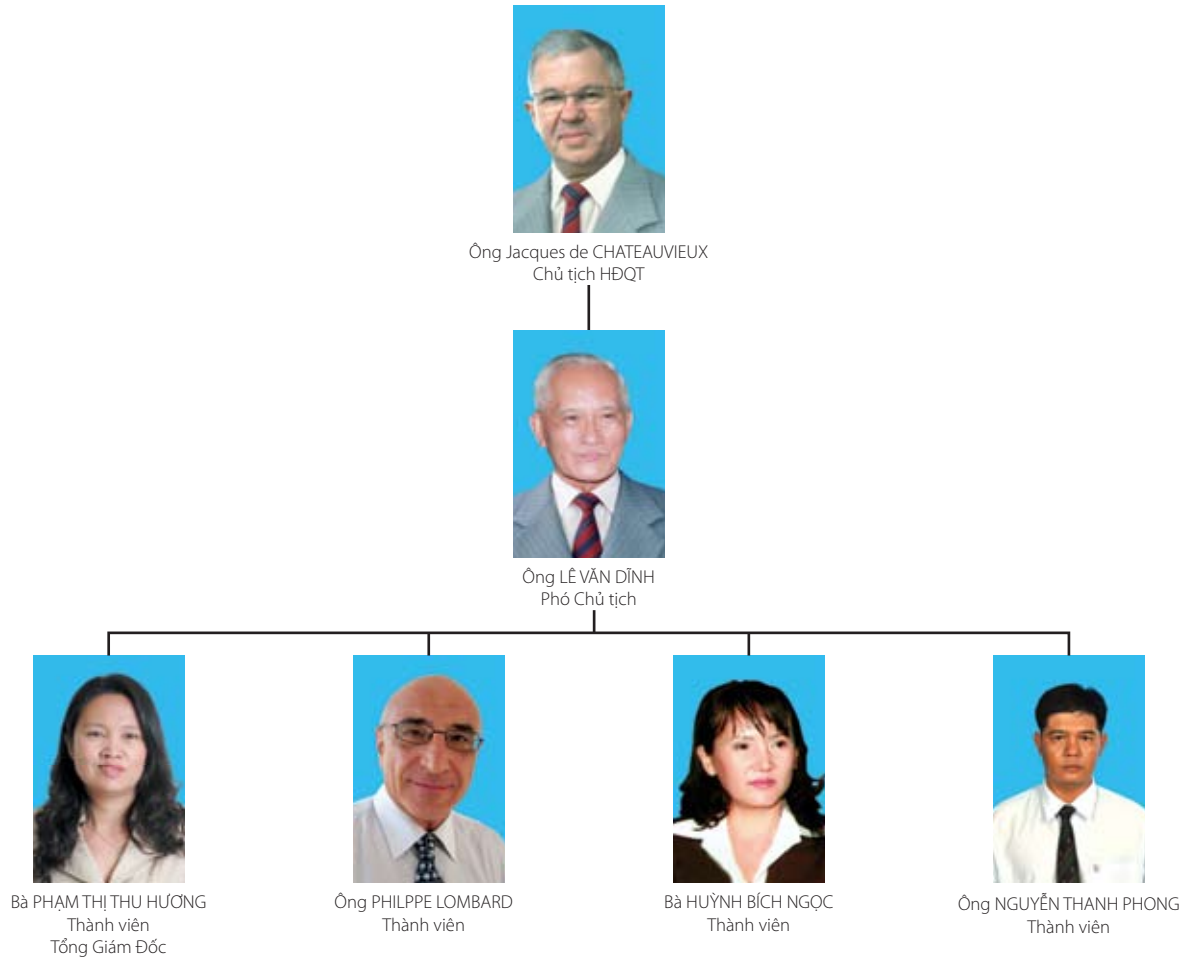
### Văn phòng đại diện tại TPHCM:

- Địa chỉ: Tòa nhà WASECO, Tầng 2, Phòng 202, số 10 Phổ Quang, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tel: (84-8) 3 997 5000
- Fax: (84-8) 3 997 3926
- Email: [sales@bourbonanhhoa.com.vn](mailto:sales@bourbonanhhoa.com.vn)



### III. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

#### 1. Hội đồng quản trị



#### 2. Ban kiểm soát



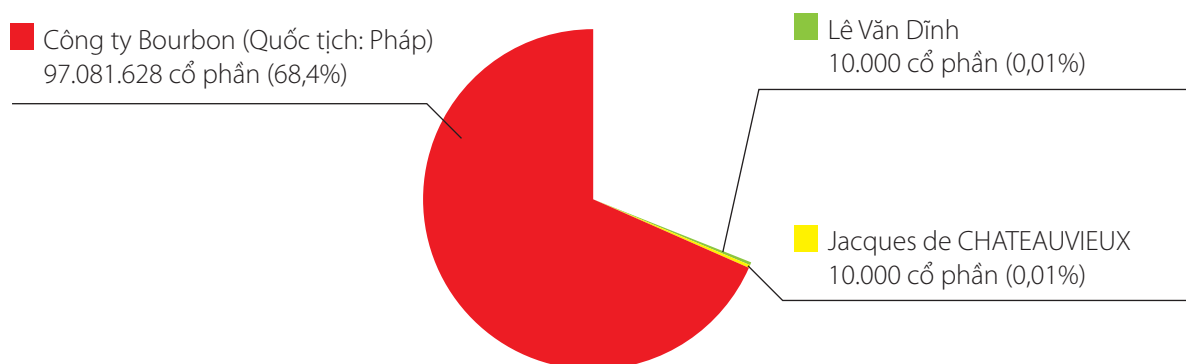


## IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

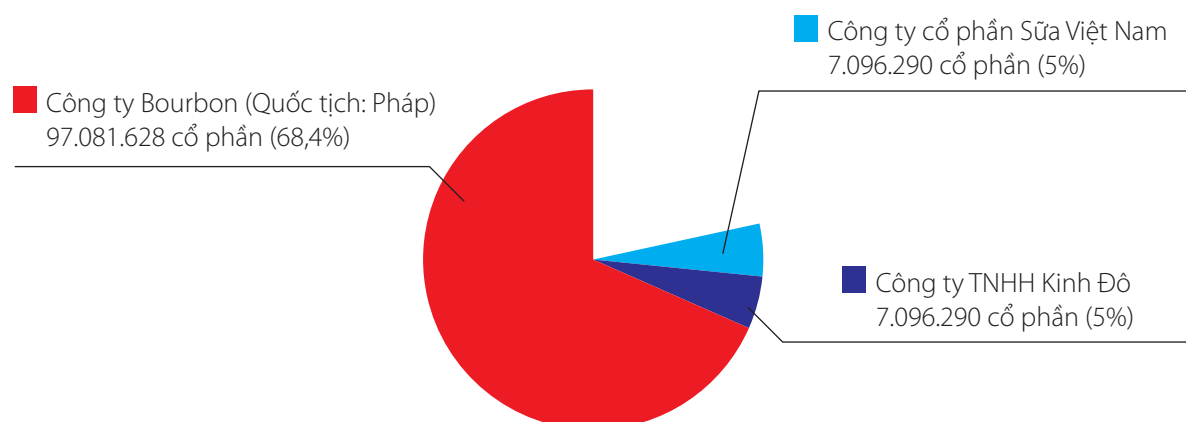
### 1. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm tháng 02/2009 (chốt danh sách Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2009)

Chỉ tiêu	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
<b>Tổng vốn điều lệ</b>	39.925.982	28,13%	101.999.818	71,87%	141.925.800	100.00%
1. Cổ đông sáng lập	10.000	0,01%	97.091.628	68,41%	97.101.628	68,42%
2. Cổ đông trong công ty	591.790	0,42%	61.560	0,04%	653.350	0,46%
3. Cổ đông ngoài công ty	39.324.192	27,71%	4.846.630	3,41%	44.170.822	31,12%

### 2. Danh sách cổ đông sáng lập



### 3. Các cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ



## V. BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BAN KIỂM SOÁT

### 1. Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2007-2011 gồm có 6 thành viên bao gồm:

- Ông Jacques de CHATEAUVIEUX - Đại diện tập đoàn Bourbon - Chủ tịch
- Ông Lê Văn Dĩnh - Phó chủ tịch
- Ông Philippe LOMBARD - Ủy viên thường trực
- Bà Phạm Thị Thu Hương - Ủy viên kiêm Tổng giám đốc
- Bà Huỳnh Bích Ngọc - Ủy viên
- Ông Nguyễn Thanh Phong - Ủy viên

Căn cứ vào điều lệ và thực trạng của Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình như sau :

#### 1.1 Các phiên họp trong năm 2008 :

Trong năm 2008 Hội đồng quản trị đã có 3 phiên họp thường kỳ tại Việt Nam và 1 phiên họp qua điện thoại, ngoài ra còn thường xuyên trao đổi qua email để quyết định các vấn đề chính sau :

Kỳ họp	Nội dung
<b>Quý I</b>	- Nội dung đại hội cổ đông năm 2008
<b>Quý II</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân công công việc trong Hội đồng quản trị</li> <li>- Tập trung đưa ra các giải pháp nâng cao năng suất mía đã trồng và chuẩn bị phục hồi lại diện tích trong vụ trồng sau.</li> <li>- Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Thu Hương làm Tổng Giám Đốc thay thế Ông Lombard, Ông Lombard là người đại diện tập đoàn Bourbon và là cố vấn cho TGD.</li> <li>- Kết thúc hợp đồng lao động của Giám đốc Thương mại. Giao Tổng Giám Đốc tìm kiếm ứng viên thích hợp cho vị trí Giám Đốc Thương mại mới, và Giám Đốc nông nghiệp.</li> <li>- Đầu tư trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh chia thành nhiều phân kỳ, xây dựng khách sạn và văn phòng cho thuê tiến hành sau khi xây dựng khu thương mại, siêu thị.</li> </ul>
<b>Quý III (qua điện thoại, email)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm.</li> <li>- Thay đổi logo, hệ thống nhận diện thương hiệu mới.</li> <li>- Tăng giá mua mía 520.000 - 550.000 đ/tấn tại ruộng, các chủ trương chính sách hỗ trợ khác tương tự như các nhà máy đường trong tỉnh.</li> <li>- Đồng ý giao TGD Bổ nhiệm Ông Trương Văn Phi làm Phó giám đốc nông nghiệp phụ trách quan hệ đối ngoại.</li> <li>- Đồng ý phê duyệt nhiệm vụ thiết kế của dự án Trung tâm thương mại.</li> </ul>
<b>Quý IV</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền Tổng Giám Đốc vay ngân hàng trong tổng hạn mức tín dụng 250 tỉ đồng để bù đắp thiếu hụt vốn lưu động cho vụ sản xuất.</li> <li>- Mua thêm 70.000 cổ phiếu của Công ty Vật liệu xây dựng Tây Ninh</li> </ul>
<b>Xin ý kiến qua email</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý giao TGD bổ nhiệm ông Lê Minh Trí vào vị trí Giám đốc Thương mại.</li> <li>- Ứng cổ tức năm 2008 bằng tiền mặt vào tháng 12/2008 theo tỉ lệ 5% tức 500 đ/cổ phiếu.</li> </ul>



## 1.2 Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành

Hiện có 1 thành viên của Hội đồng quản trị là Tổng Giám Đốc và 1 thành viên Thường trực tại Công ty vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Trong năm 2008, TGD đã điều hành thực hiện tốt các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Những kết quả chính đã đạt được:

- Cải thiện đáng kể mối quan hệ với nông dân và các cấp chính quyền địa phương. Diện tích mía trồng mới đã tăng thêm 25% so với vụ trồng trước, trong đó diện tích tại Campuchia có hơn 100ha. Việc phát triển mía tại Tây Ninh và các vùng tiềm năng vẫn đang được tiến hành.
- Đã đạt ISO 14001:2004, ngoài ra còn đạt Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2008
- Các công việc đang tiến hành : xây dựng chính sách nhân sự hiệu quả, phát triển sản phẩm mới để nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng thị trường...
- Các dự án mới cũng được triển khai, tuy chưa đạt tiến độ như mong muốn nhưng phần lớn do các yếu tố khách quan.
- Ban TGD cũng đã cơ bản khắc phục những khiếm khuyết trong khâu ký hợp đồng bán hàng

Kết quả lợi nhuận tuy không đạt nhưng các hoạt động của công ty đang có chiều hướng phát triển tốt. Tuy nhiên để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty và thích ứng với những diễn biến của thị trường, Ban Tổng giám đốc cần năng động và hiệu quả hơn.

### Kết quả thực hiện kế hoạch lợi nhuận:

Theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, lợi nhuận sau thuế năm 2008 là 202 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chỉ đạt hơn 40%.

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
- Doanh thu thuần	732.068	562.805	76,9%
- Lợi nhuận trước thuế	211.334	84.351	39,9%
Trong đó : - Sản xuất kinh doanh	161.371	80.471	49,9%
- Tài chính	49.962	3.507	7,0%
- Khác		373	
- Lợi nhuận sau thuế	202.017	81.524	40,4%
- Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu	27,6%	15,0%	54,3%
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.423	574	40,4%

Nguyên nhân :

- Vụ sản xuất 08/09 bắt đầu muộn hơn mọi năm do thời tiết bất thường, vì vậy sản lượng sản xuất cả năm 2008 bị thấp hơn 13% so với kế hoạch kéo theo sản lượng các phụ phẩm cũng bị giảm tương ứng.
- Tiêu thụ 7 tháng đầu năm tốt nhưng sau đó nhu cầu giảm dần, trong khi các nhà máy cần vốn sản xuất nên đua nhau giảm giá bán. Chính vì vậy sản lượng đường tiêu thụ cả năm 2008 chỉ đạt 76% so với kế hoạch, giá bán cũng chỉ đạt 97% so với kế hoạch. Các sản phẩm phụ cũng bị giảm sút do nguyên nhân đã phân tích ở trên. Kết quả là doanh thu cả năm 2008 chỉ đạt 563 tỷ đồng, bằng 77% kế hoạch. Do sản lượng sản xuất không đạt kế hoạch nên giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm cũng bị cao hơn, vì vậy lợi nhuận từ sản xuất



kinh doanh chỉ đạt gần 50% kế hoạch.

- Lợi nhuận từ các hoạt động tài chính chỉ đạt 7,0%, thấp hơn 46,4 tỷ đồng so với kế hoạch do mặc dù nhận cổ tức trên 2,9 tỷ đồng từ những khoản đầu tư tài chính nhưng đồng thời Công ty phải dự phòng cho các khoản đầu tư này vào cuối năm 50,8 tỷ đồng.

### 1.3 Kế hoạch của HĐQT năm 2009

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các công việc sau :

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2009, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án mới, phát triển vùng nguyên liệu mía. Chú trọng công tác nâng cao giá trị thương hiệu công ty nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Tổ chức các cuộc họp bất thường (có thể qua điện thoại) để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

## 2. Tình hình hoạt động năm 2008 và kế hoạch năm 2009

### 2.1 Báo cáo tình hình hoạt động năm 2008

Năm 2008 là năm có quá nhiều biến động đối với nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Giá cả tăng vọt sau đó lại đột ngột đổi hướng rất khó lường dẫn đến hầu hết các doanh nghiệp đều rơi vào tình trạng khó khăn. Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh chúng ta cũng không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng. Ngành đường không có những đợt tăng hoặc giảm giá đột biến nhưng bị ảnh hưởng nặng nề bởi giá cả đầu vào tăng cao và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giảm sút nghiêm trọng do suy thoái kinh tế những tháng cuối năm. Vì vậy kết quả sản xuất kinh doanh không như mong đợi.

#### 2.1a Tình hình sản xuất kinh doanh :

- Vụ sản xuất 08/09 bắt đầu muộn hơn mọi năm do thời tiết bất thường, mưa kéo dài, mãi đến 02/12/2008 mới khởi động nhà máy (thông thường khởi động nửa đầu tháng 11), vì vậy sản lượng sản xuất cả năm 2008 bị thấp hơn so với kế hoạch. Cụ thể sản lượng mía ép đạt thấp hơn 13% so với kế hoạch, kéo theo các thành phẩm cũng bị giảm tương ứng (đường thấp hơn 12%, mật rỉ thấp hơn 18%, điện thấp hơn 11%), kế hoạch luyện đường thô cũng giảm do nhu cầu thị trường giảm sút.
- Giá mua mía vụ sản xuất 08/09 cao hơn 38% so với vụ trước và cao hơn 16% so với kế hoạch do các chi phí đầu vào sản xuất mía bị tăng cao, đặc biệt là phân bón tăng trên 100%. Hơn nữa do diện tích mía đã bị giảm sút nghiêm trọng, Hội Đồng Quản Trị đã chấp thuận điều chỉnh giá mua mía ở mức cạnh tranh và phù hợp với mặt bằng chung nhằm mục đích thu hút nông dân trồng mía cho vụ sản xuất sau. Công ty cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, hội nghị tại các vùng nguyên liệu mía với sự tham gia của các nông dân, các cấp chính quyền, các nhà khoa học nhằm tìm kiếm các biện pháp hữu hiệu để phát triển mía, các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân cũng đã được triển khai. Kết quả vụ trồng mới này rất khả quan, diện tích tăng thêm trên 25%.
- Việc phát triển mía ở Campuchia và các tỉnh lân cận vẫn đang được khảo sát. Tuy nhiên tình hình an ninh tại Campuchia khá phức tạp nên Công ty mới chỉ đầu tư khoảng 100ha cho một số nông dân lớn của Việt Nam





sang Campuchia trồng mía. Hiện Công ty đang khảo sát tại tỉnh Bình Phước, là vùng nguyên liệu tiềm năng do giáp ranh với Tây Ninh, còn nhiều đất nông nghiệp.

- Cuối năm 2008, do lo ngại Luật thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực từ 01/01/2009 sẽ ảnh hưởng đến các nhà đầu tư cá nhân nên Hội Đồng Quản Trị đã quyết định tạm ứng cổ tức năm 2008 là 5%. Tổng số tiền đã chi trả cổ tức trong năm là trên 240 tỷ đồng (gồm của năm 2007 và ứng năm 2008). Công ty đã chi góp vốn cho Khu công nghiệp Bourbon An Hòa, vì vậy mùa vụ sản xuất 2008/2009 phải vay vốn lưu động để sản xuất.

### 2.1b Tình hình đầu tư- phát triển

Như đã trình bày và đã được Đại hội cổ đông năm trước phê duyệt, Bourbon Tây Ninh đang triển khai đầu tư vào hai dự án lớn là: Khu công nghiệp Bourbon An Hòa và Trung Tâm Thương mại Dịch vụ Tây Ninh (Espace Bourbon Tây Ninh)

- Công ty cổ phần Bourbon An Hòa (BAC) có vốn điều lệ dự kiến là 300 tỷ đồng, tuy nhiên do giá đến bù giải tỏa tăng cao nên số vốn này đã phải tăng lên 500 tỷ đồng, tức là phần vốn góp của SBT cũng tăng từ 180 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng (60%), Công ty cổ phần Long Hậu góp 25%. BAC được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 10/09/2008, Giấy chứng nhận đầu tư dự án được cấp ngày 26/12/2008. Ưu đãi đầu tư được hưởng : thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ khi có lãi, giảm 50% thuế trong 9 năm tiếp theo. Tổng diện tích toàn khu là 1.020 ha trong đó Khu công nghiệp có diện tích 760 ha, khu Kho Cảng là 184.56 ha, khu tái định cư và Dịch vụ là 75.44 ha. Văn phòng làm việc của Khu công nghiệp đã hoàn tất và đưa vào sử dụng trong quý IV/2008. Do chậm trễ trong việc cấp phép, nên đến tháng 1/2009 mới bắt đầu công tác đền bù, giải tỏa.
- Khu Trung Tâm Thương Mại – Dịch Vụ tại Trung tâm thị xã Tây ninh : tiền thuê đất đã trả vào cuối năm 2007 nhưng đến ngày 28/11/2008 Công ty mới chính thức được nhận bàn giao khu đất có diện tích 14.742, 9 m<sup>2</sup> tại Trung tâm thị xã. Dự án đã hoàn thành thiết kế cơ sở, sẽ trình Sở xây dựng xin Giấy phép xây dựng trong tháng 3/2009.
- Nhằm thực hiện mục tiêu trở thành nhà sản xuất đường tinh luyện hàng đầu của Việt nam, Công ty đang xây dựng chiến lược Marketing, phát triển sản phẩm mới là đường tinh luyện thượng hạng, loại túi 1kg dành cho người tiêu dùng với tiêu chuẩn rất cao. Trong bối cảnh có quá nhiều những bê bối về an toàn thực phẩm hiện nay, tin rằng sản phẩm mới này sẽ được người tiêu dùng quan tâm đón nhận .
- Nhằm tận dụng triệt để phế phẩm trong sản xuất, giảm bớt chi phí phân bón cho nông dân cũng như giúp cải tạo đất trồng mía, Bourbon Tây Ninh đã xây dựng xong Xưởng chế biến phân hữu cơ sử dụng bã bùn và tro lò thải ra từ quá trình sản xuất của nhà máy. Dự kiến thành phẩm sẽ xuất xưởng vào cuối quý 1/2009.
- Trong năm 2008 đã hoàn thành mục tiêu đạt ISO:14001:2004 về môi trường, xây dựng mới hệ thống nhận diện thương hiệu.
- Đoạt giải Sao vàng Đất Việt (Top 100) năm 2008

### 2.1c Tình hình nhân sự

- Trong năm có sự thay đổi về nhân sự chủ chốt là vị trí Tổng Giám Đốc và Giám Đốc Thương mại.
- Tính đến ngày 31/12/2008, SBT đang có đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao gồm 679 người, trong đó có 408 lao động biên chế và 207 nhân viên thời vụ. Công ty xây dựng và áp dụng các chính sách lao động phù hợp với quy định của Luật Lao động Việt Nam và các quy định có liên quan đồng thời có tác dụng khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.



2.1d Tóm tắt Bảng cân đối cân đối kế toán ngày 31/12/2008 (đã kiểm toán)

Đơn vị tính : triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2008	31/12/2007	% tăng/giảm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>658.962</b>	<b>758.882</b>	<b>(13,17%)</b>
- Tiền và các khoản tương đương tiền	161.286	94.472	70,72%
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	108.448	376.204	(71,17%)
- Các khoản phải thu	149.657	129.898	15,21%
- Hàng tồn kho	233.307	155.888	49,66%
- Tài sản ngắn hạn khác	6.264	2.419	158,95%
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>1.107.121</b>	<b>956.767</b>	<b>15,71%</b>
- Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
- Tài sản cố định	768.466	830.497	(7,47%)
- Bất động sản đầu tư	-	-	
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	330.647	117.974	180,27%
- Tài sản dài hạn khác	8.008	8.297	(3,47%)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>1.766.083</b>	<b>1.715.649</b>	<b>2,94%</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>320.428</b>	<b>105.069</b>	<b>204,97%</b>
- Nợ ngắn hạn	288.819	72.092	300,63%
- Nợ dài hạn	31.609	32.978	(4,15%)
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>1.445.655</b>	<b>1.610.579</b>	<b>(10,24%)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1.444.915</b>	<b>1.610.579</b>	<b>(10,29%)</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.419.258	1.419.258	
- Quỹ đầu tư phát triển	5.529	-	
- Quỹ dự phòng tài chính	9.566	-	
- Lợi nhuận chưa phân phối	10.561	191.321	(94,48%)
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>740</b>	<b>-</b>	
- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	740	-	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>1.766.083</b>	<b>1.715.649</b>	<b>2,94%</b>

(Xin vui lòng xem chi tiết tại phần Báo cáo tài chính)



Kết quả kinh doanh năm 2008 (đã kiểm toán) :

Đơn vị tính : triệu đồng

	CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2007	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>563.323</b>	<b>674.345</b>	<b>83,5%</b>
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	517	73	706,8%
<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>562.805</b>	<b>674.272</b>	<b>83,5%</b>
4	Giá vốn hàng bán	447.551	495.247	90,4%
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>115.255</b>	<b>179.025</b>	<b>64,4%</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	56.995	43.652	130,6%
7	Chi phí tài chính	53.488	145	36918,3%
	- Trong đó: lãi vay	1.954	1.484	131,7%
8	Chi phí bán hàng	15.295	14.986	102,1%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.489	16.518	118,0%
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>83.978</b>	<b>191.028</b>	<b>44,0%</b>
11	Thu nhập khác	607	574	105,8%
12	Chi phí khác	233	280	83,3%
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>373</b>	<b>293</b>	<b>127,2%</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>84.351</b>	<b>191.321</b>	<b>44,1%</b>
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.827	-	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
<b>17</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>81.524</b>	<b>191.321</b>	<b>42,6%</b>

## 2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 :

Do đặc thù của ngành là chế biến sản phẩm trực tiếp từ mía nguyên liệu có chu kỳ sinh trưởng 10-12 tháng nên diện tích mía tăng thêm chỉ phát huy ảnh hưởng từ vụ sản xuất 09/10. Năm 2009 sẽ vẫn là một năm rất khó khăn đối với SBT do giá thành sản xuất vụ 08/09 cao (giá mua mía cao, sản lượng mía ít), thị trường không ổn định, sản phẩm mới sẽ cần phải có thời gian để thâm nhập thị trường trong khi đó vẫn cần phải tăng cường đầu tư cho vùng nguyên liệu mía cho các mùa sản xuất sau.

### 2.2a Nhiệm vụ chính :

Năm 2009, SBT sẽ triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chính :

- Cùng với cố vấn nông nghiệp của Công ty là Giáo sư Tiến sỹ Võ Tòng Xuân, xây dựng chính sách khuyến



nông hợp lý, đưa các tiến bộ khoa học vào áp dụng trong nông dân, đẩy nhanh tiến độ cơ giới hóa trong tất cả các khâu canh tác, đặc biệt là khâu thu hoạch, giúp nâng cao sản lượng và chất lượng mía, tăng lợi nhuận cho người trồng, giảm giá thành cho Công ty.

- Tiếp tục mở rộng vùng nguyên liệu tại tỉnh Tây Ninh, đồng thời nghiên cứu khả năng phát triển diện tích sang tỉnh Bình Phước để xây dựng vùng nguyên liệu mới.
- Cùng Sở Nông Nghiệp Tỉnh Tây Ninh và các cấp chính quyền đẩy nhanh tiến độ quy hoạch lại vùng nguyên liệu mía. Xây dựng thí điểm các vùng nguyên liệu tập trung có diện tích khoảng 30 ha tại các địa bàn trọng điểm để thực hiện mô hình thâm canh tăng năng suất cây mía bằng các phương tiện kỹ thuật.
- Hoàn thành đền bù giải tỏa 900/1020ha, thiết lập cơ sở hạ tầng và đưa vào khai thác 22ha đất công nghiệp và 10.000m<sup>2</sup> nhà xưởng cho thuê tại Khu công nghiệp Bourbon – An Hòa.
- Nhận giấy phép xây dựng và lập thiết kế kỹ thuật cho dự án Khu Trung Tâm Thương Mại – Dịch vụ Tây ninh. Song song đó lựa chọn đối tác thích hợp để cùng triển khai dự án.
- Triển khai thành công kế hoạch phát triển sản phẩm mới, nâng cao giá trị thương hiệu của Công ty trên thị trường.

### 2.2b Kế hoạch lợi nhuận năm 2009 :

Năm 2009 sẽ còn tiếp tục khó khăn, tuy nhiên tình hình nguyên liệu của Công ty đã phần nào được cải thiện khi diện tích mía đã phát triển thêm được 2.500 ha. Do thời tiết năm qua không thuận lợi, sản lượng mía trên thế giới nói chung và Việt nam nói riêng cũng bị giảm sút. Dự báo năm 2009 thế giới sẽ thiếu hụt 6-8 triệu tấn đường, vì vậy giá đường nói chung khó có khả năng sụt giảm, thậm chí còn có khả năng tăng cao.

Hiện Công ty không còn nguồn tài chính dôi dư như những năm trước. Trong vụ sản xuất phải sử dụng nguồn vay Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2009 như sau:

- |                                     |                      |
|-------------------------------------|----------------------|
| - Sản lượng mía ép                  | : 592 ngàn tấn       |
| - Sản lượng đường thô nguyên liệu   | : 7 ngàn tấn         |
| - Sản lượng đường tiêu thụ          | : 70 ngàn tấn        |
| - Tổng doanh thu (bao gồm phụ phẩm) | : 685.547 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế              | : 106.909 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế                | : 101.564 triệu đồng |

Nếu có sự phục hồi về giá của những cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ và giá đường tăng cao thì kết quả của Công ty sẽ không dừng lại ở con số này.





### 3. Báo cáo của ban kiểm soát

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BOURBON TÂY NINH**  
Ban Kiểm Soát  
Số: 0508/BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
=====oOo=====

Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2009.

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009**  
(Ngày 09/03/2009)

*Kính thưa Đại hội đồng Cổ đông,*

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều lệ Công ty,
- Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán bởi công ty cổ phần Kiểm Toán và Tư Vấn Tài chính Kế Toán (AFC)
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Soát năm 2008.

Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2008 như sau:

#### **I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát:**

Ban Kiểm Soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Tổ Chức và Hoạt Động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008 trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty,
- Kiểm tra, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp,
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc,
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng Giám đốc lập,
- Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra,
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.



## II. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

- HĐQT và Ban TGD đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong công tác quản lý hành chính cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông,
- Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và tổ chức đúng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT,
- Các Biên bản họp, nghị quyết của HĐQT có đầy đủ chữ ký của các thành viên dự họp hoặc các thành viên được ủy quyền dự họp,
- Các Nghị quyết của HĐQT đều được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và đúng với thẩm quyền quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty,
- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2008 và được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh của Ban TGD,
- Các quyết định của Ban TGD đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời, các quyết định vượt thẩm quyền của Ban TGD đều được ban hành sau khi Ban TGD trình HĐQT và được HĐQT phê duyệt bằng nghị quyết,
- Mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty chưa thực sự hợp lý ví dụ: Phòng vật tư trực thuộc nhà máy, Kho đường trực thuộc phòng sản xuất, đây là những bộ phận lớn của Công ty, thực hiện theo lệnh của Ban TGD là chính nhưng trên thực tế phải qua nhiều cấp dẫn đến sự bị động, chậm trễ không đáng có trong hoạt động của các đơn vị này,
- Ban TGD đã ban hành các quy định quản lý nội bộ đối với các hoạt động chính của Công ty, tuy nhiên những quy định này cần được hệ thống, hoàn thiện và sắp xếp lại thành các quy chế, chính sách trình HĐQT ban hành áp dụng thống nhất trong toàn Công ty nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản trị tiên tiến. Trong năm 2008, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống quản lý theo chuẩn ISO 9001 và ISO 14.000,
- Các Hợp đồng kinh tế quan trọng của Công ty trong năm 2008 đều được giao kết trên cơ sở hợp pháp, đảm bảo quyền lợi của Công ty và các cổ đông. Tuy nhiên, trong một số Hợp đồng vẫn tồn tại điều khoản bất lợi cho Công ty ví dụ: điều khoản hàng hoá và giá cả tại Hợp đồng khung bán đường cho một số khách hàng công nghiệp, bên Công ty luôn phải đảm bảo cung cấp đủ số lượng theo đúng chất lượng yêu cầu, nhưng số lượng và giá cả cụ thể của từng hợp đồng được xác nhận theo quý, tháng và không có chế tài khi khách hàng không thực hiện mua đủ số lượng đã cam kết, với những cam kết này Công ty sẽ gặp phải bất lợi khi giá đường có xu hướng đi xuống cũng như không chủ động về số lượng tồn kho, doanh số bán hàng trong năm khi có biến động giá.
- Đối với Hợp đồng vận chuyển, điều khoản giá bồi thường hư hỏng mất mát trong vận chuyển là giá thị trường hoặc giá bán cho khách hàng, Công ty có thể sẽ gặp rủi ro vi phạm cam kết giao hàng cho khách hàng khi giá cả thị trường tăng đột biến, người vận tải có thể bán hàng ra thị trường và thực hiện đền bù theo giá Công ty bán cho khách hàng.



- Năm 2007, Công ty không phát sinh bất cứ vấn đề tranh chấp nào liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Không phát sinh Hợp đồng giao kết cũng như không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người liên quan.
- Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc quy định của pháp luật, Sở Giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng và Công ty niêm yết,

Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm Soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2008 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm Soát không cần phải đưa ra bất kỳ quyết định nào về việc điều hành của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng.

### III. Về việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2008:

Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán đã phản ánh hợp lý, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2008 cũng như kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2008, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Về hạch toán hàng tồn kho, Công ty đã tuân thủ nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận giá trị hàng tồn kho khi thực hiện phân bổ các chi phí cố định, kết quả là giá thành hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2008 thấp hơn giá vốn đường tiêu thụ trong năm 2008 là 500 đồng/kg.

Về dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng ở mức độ thận trọng hơn so với chuẩn mực kế toán và chính sách quản lý thuế yêu cầu. Cụ thể, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với các loại chứng khoán đầu tư dài hạn, chưa niêm yết và các Công ty phát hành các loại cổ phiếu này hoạt động có lãi trong năm 2008, với tổng số tiền là 51 tỷ đồng, do đó kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2008 giảm tương ứng.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản thực hiện trong năm như sau:

ĐVT : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện
- Doanh thu thuần	562.805
- Lợi nhuận trước thuế	84.351
Trong đó : - Sản xuất kinh doanh	80.471
- Tài chính	3.507
- Khác	373
- Lợi nhuận sau thuế	81.524
- Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu	15,0%
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (VND/cổ phần)	574

### IV. Về việc tuân thủ luật pháp:

Tất cả hoạt động của Công ty đều phù hợp với giấy chứng nhận đầu tư, Điều lệ Công ty và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty chấp hành tốt các quy định, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, vay và trả nợ gốc, lãi đối với các ngân hàng.



Xem xét Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban Kiểm Soát phát hiện một số thiếu sót như sau:

- Mục 1, Điều 5, Chương IV. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập: thiếu số lượng cổ phần nắm giữ bởi mỗi cổ đông sáng lập,
- Trong năm 2008, HĐQT đã ra nghị quyết về việc thay đổi Tổng Giám đốc - Người đại diện pháp luật của Công ty nhưng chưa cập nhật vào Điều lệ của Công ty và gửi tới các cơ quan liên quan,
- Điều lệ của Công ty chưa được Chủ tịch HĐQT ký ban hành chính thức,

**V. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2008 và thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2008:**

- Trong năm 2008, hoạt động của HĐQT, Ban TGD và Công ty đã tập trung vào định hướng phát triển đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2008 thông qua đó là sản xuất và kinh doanh đường, triển khai các dự án Khu công nghiệp An Hòa, Trung tâm thương mại Tây Ninh.
- Công ty đã hoàn tất thủ tục điều chỉnh tên Công ty thành Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh và bổ sung ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ phù hợp với Điều lệ mẫu của các công ty niêm yết, thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2007 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2008,
- Về thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2008: Công ty chỉ hoàn thành 76.9% kế hoạch doanh thu và 40.4% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Cụ thể:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
- Doanh thu thuần	732.068	562.805	76,9%
- Lợi nhuận trước thuế	211.334	84.351	39,9%
Trong đó : - Sản xuất kinh doanh	161.371	80.471	49,9%
- Tài chính	49.962	3.507	7,0%
- Khác		373	
- Lợi nhuận sau thuế	202.017	81.524	40,4%
- Tỷ lệ lợi nhuận/doanh thu	27,6%	15,0%	54,3%
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (VND/cổ phần)	1.423	574	40,4%

Nguyên nhân: một trong những nguyên nhân dẫn tới việc Công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2008 là do Công ty chưa xây dựng được hệ thống kênh phân phối riêng cũng như thương hiệu đường của Công ty chưa được thị trường biết đến một cách rộng rãi, tiêu thụ hàng hoá tập trung chủ yếu và phụ thuộc vào một số khách hàng công nghiệp, dẫn đến Công ty khó chủ động trong việc dự trữ hàng tồn kho và không thể phản ứng nhanh khi giá đường trên thị trường biến động theo hướng bất lợi cho Công ty như đã phân tích trên đây. Ngoài ra, Ban Kiểm Soát hoàn toàn nhất trí với những nguyên nhân, đánh giá của HĐQT và Ban TGD.





## VI. Kết luận và kiến nghị:

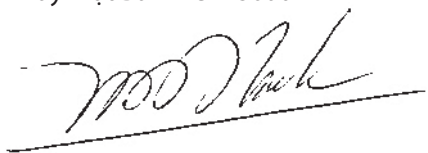
- HĐQT cần chỉ đạo hoàn tất một số nội dung còn thiếu và cần chỉnh sửa, ký ban hành chính thức Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty gửi tới các cơ quan liên quan (thay thế cho bản Điều lệ cũ trước đây),
- HĐQT và Ban TGD cần xem xét, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty cho phù hợp, đảm bảo cho mọi hoạt động của Công ty được tiến hành một cách thuận tiện, an toàn và hiệu quả,
- Công ty cần có kế hoạch xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, xây dựng kênh phân phối bán lẻ để giảm bớt sự phụ thuộc vào một số khách hàng công nghiệp lớn,
- Ban TGD cần yêu cầu các phòng ban chức năng xây dựng các quy chế, chính sách trình HĐQT ban hành áp dụng thống nhất trong toàn Công ty nhằm tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp và xây dựng hệ thống quản trị tiên tiến.
- Ban TGD cần xem xét lại một số điều khoản của các Hợp đồng bán hàng và vận chuyển hàng hóa nhằm giảm thiểu tới mức thấp nhất những rủi ro và bất lợi về phía Công ty,
- Căn cứ vào chất lượng, tiến độ thực hiện và giá cả dịch vụ kiểm toán của Công ty cổ phần Kiểm Toán và Tư Vấn Tài chính Kế Toán (AFC), Ban Kiểm soát kiến nghị tiếp tục chọn Công ty AFC thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009,
- Hiện nay cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường ở mức rất thấp dưới mệnh giá trong khi Công ty vẫn hoạt động ổn định và có lãi, đề nghị Đại hội đồng cổ đông, HĐQT xem xét việc mua vào cổ phiếu quỹ giảm vốn điều lệ, hoặc dùng nguồn lợi nhuận sau thuế để mua lại cổ phiếu quỹ thay cho việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

Trên đây là những ý kiến của Ban kiểm soát đối với các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh trong năm tài chính 2008.

Thay mặt Ban Kiểm Soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban TGD, các bộ phận nghiệp vụ, phòng ban chức năng của Công ty đã tạo điều kiện cho chúng tôi hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Trân trọng kính chào,

Thay mặt Ban Kiểm Soát



Khổng Văn Minh

Trưởng Ban



# 2008

## Tài Chính

## Báo Cáo



Value
9,179.53
11,426.60
9,611.01
e 7,189.65
v 6,550.22

## A. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bản báo cáo này và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung:

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh được chuyển đổi từ Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh. Khi mới thành lập, Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 1316/GP ngày 15/07/1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.

Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22/05/2000, kể từ năm 2000, Công ty đã được chấp thuận chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, tỉnh Réunion, Cộng hòa Pháp thành lập.

Ngày 23/03/2007, Công ty đã chính thức chuyển thành công ty cổ phần và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23/03/2007, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 17/04/2007, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 27/08/2007, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 07/05/2008 và điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04/06/2008.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc của Công ty vào ngày lập báo cáo này bao gồm :

#### Hội đồng Quản trị:

Ông Jacques de CHATEAUVIEUX	Chủ tịch
Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Philippe LOMBARD	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên/ Tổng Giám đốc Công ty
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên

#### Ban kiểm soát:

Ông Khổng Văn Minh	Trưởng ban
Ông Võ Văn Hai	Thành viên
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên



*Ban Tổng Giám đốc*

Bà Phạm Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc
Ông Daniel LARRIBE	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc nhà máy
Ông Kumarasamy NALLAIYAN	Quyền Giám đốc nông nghiệp
Ông Lê Minh Trí	Giám đốc thương mại

*Kế toán trưởng*

Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng
-------------------------	----------------

**3. Trụ sở:**

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện và thương mại được đặt tại lầu 10, Tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Các hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là :

- Sản xuất đường, các sản phẩm phụ;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
- Sản xuất điện thương phẩm và điện để tự sử dụng;
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
- Trồng mía và đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng mía;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng;
- Xây dựng và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng siêu thị.

**5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh:**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ:**

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7. Công ty kiểm toán:**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty.



## 8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## 9. Phê duyệt báo cáo tài chính:

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**JACQUES DE CHATEAUVIEUX**

Chủ tịch





**B. BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Công ty Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Kế toán (AFC)**

**Văn phòng TP. Hồ Chí Minh**  
Cao ốc Indochina Park Tower  
4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2  
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (08) 2200237  
Fax: (08) 2200265  
Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2009

Số: 00160.HCM/80.08

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị và Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") bao gồm :  
bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu  
chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang  
5 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách  
nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến:**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi  
hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài  
chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương  
pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo  
cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương  
pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như  
cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung  
cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


**Ý kiến của Kiểm toán viên:**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh  
trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả kinh doanh và tình hình lưu  
chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, và được lập  
phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy  
định pháp lý có liên quan.

NGUYỄN THỊ THANH

  
Giám đốc kiểm toán  
Chứng chỉ KTV số 0185/KTV

TRẦN THỊ MAI HƯƠNG

  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0417/KTV



## C. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>658.962.021.798</b>	<b>758.881.822.879</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>161.286.009.301</b>	<b>94.472.039.856</b>
Tiền	111		161.286.009.301	94.472.039.856
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.11</b>	<b>108.447.716.588</b>	<b>376.204.008.298</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		110.800.964.054	377.869.337.542
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.353.247.466)	(1.665.329.244)
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>149.657.460.621</b>	<b>129.898.427.196</b>
Phải thu khách hàng	131		36.224.345.314	52.139.704.646
Trả trước cho người bán	132		10.208.071.584	21.921.933.973
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135		103.813.639.727	56.037.022.225
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(588.596.004)	(200.233.648)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>233.306.763.254</b>	<b>155.888.358.512</b>
Hàng tồn kho	141		237.567.838.903	160.149.434.161
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.261.075.649)	(4.261.075.649)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.264.072.034</b>	<b>2.418.989.017</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	859.257.351	440.247.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Các khoản thuế phải thu	154	5.5	2.495.240.490	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	2.909.574.193	1.978.742.017
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.107.120.896.304</b>	<b>956.767.021.792</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>768.465.921.106</b>	<b>830.496.600.650</b>
TSCĐ hữu hình	221	5.7	762.153.902.884	821.268.214.389



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
- Nguyên giá	222		1.542.602.603.336	1.531.247.215.605
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(780.448.700.452)	(709.979.001.216)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	5.8	3.732.091.676	3.665.959.221
- Nguyên giá	228		6.096.857.329	5.689.009.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.364.765.653)	(2.023.050.308)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	2.579.926.546	5.562.427.040
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>330.646.613.217</b>	<b>117.973.812.464</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	245.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	136.665.937.140	118.260.557.917
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	5.11	(51.019.323.923)	(286.745.453)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.008.361.981</b>	<b>8.296.608.678</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.12	7.884.014.981	8.172.261.678
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268	5.13	124.347.000	124.347.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.766.082.918.102</b>	<b>1.715.648.844.671</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>320.428.087.526</b>	<b>105.069.384.776</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>288.818.829.441</b>	<b>72.091.789.276</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	32.386.342.000	9.386.342.000
Phải trả cho người bán	312	5.15	6.760.112.982	14.158.563.310
Người mua trả tiền trước	313	5.15	7.823.317.201	14.031.164.080
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.16	1.192.010.526	1.989.782.818
Phải trả người lao động	315		2.132.927.000	1.255.276.000
Chi phí phải trả	316	5.17	25.596.319.987	18.012.641.830
Phải trả nội bộ	317	5.18	9.088.522.790	5.673.706.445
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	5.19	203.839.276.955	7.584.312.793
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.609.258.085</b>	<b>32.977.595.500</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334	5.20	25.056.589.000	27.442.931.000
Thuế thu nhận hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		6.552.669.085	5.534.664.500
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.445.654.830.576</b>	<b>1.610.579.459.895</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.444.914.784.384</b>	<b>1.610.579.459.895</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	5.21	5.529.454.297	-
Quỹ dự phòng tài chính	418	5.21	9.566.072.995	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	5.21	10.561.257.092	191.321.459.895
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>740.046.192</b>	<b>-</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	5.21	740.046.192	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.766.082.918.102</b>	<b>1.715.648.844.671</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		5.003.456.299	4.944.698.980
Ngoại tệ các loại (USD)		40.087,87	61.576,61
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THU HƯƠNG



**D. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008 VND	2007 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>563.322.793.195</b>	<b>674.345.046.706</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		517.474.210	73.215.426
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>6.1</b>	<b>562.805.318.985</b>	<b>674.271.831.280</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	447.550.622.593	495.246.873.070
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>115.254.696.392</b>	<b>179.024.958.210</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.1	56.995.384.642	43.652.133.298
Chi phí tài chính	22	6.3	53.487.873.375	144.881.752
- Trong đó: lãi vay	23		1.953.819.942	1.483.535.997
Chi phí bán hàng	24	6.4	15.295.197.505	14.985.856.249
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	19.488.786.790	16.518.266.433
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>83.978.223.364</b>	<b>191.028.087.074</b>
Thu nhập khác	31		606.579.766	573.546.905
Chi phí khác	32		233.356.275	280.174.084
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>6.6</b>	<b>373.223.491</b>	<b>293.372.821</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>84.351.446.855</b>	<b>191.321.459.895</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.827.289.763	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>81.524.157.092</b>	<b>191.321.459.895</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ			141.925.800	141.925.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		<b>6.8</b>	<b>574</b>	<b>1.348</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THU HƯƠNG





## E. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

CHỈ TIÊU	Mã số	2008 VND	2007 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>84.351.446.855</b>	<b>191.321.459.895</b>
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	71.027.474.137	70.137.779.841
- Các khoản dự phòng	03	51.808.859.048	(1.798.273.718)
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(57.010.012.078)	(43.910.003.223)
- Chi phí lãi vay	06	1.953.819.942	1.479.131.673
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>152.131.587.904</b>	<b>217.230.094.468</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(23.573.468.447)	(76.375.940.533)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(77.418.404.742)	(3.796.337.697)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	196.754.919.240	603.533.414
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(130.763.654)	(1.895.777.957)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.953.819.942)	(1.493.742.945)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(5.322.530.253)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.500.000.000	48.096.645
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8.674.926.411)	(127.767.694)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>235.312.593.695</b>	<b>134.192.157.701</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.229.130.982)	(2.969.889.827)
Tiền thu thanh lý, bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	302.000.000	430.611.429
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23	(1.248.758.019.835)	(478.404.820.227)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của ĐV khác	24	1.535.616.014.100	419.071.778.396
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(280.700.000.000)	(75.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54.445.348.467	29.202.917.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>51.676.211.750</b>	<b>(107.669.402.583)</b>



CHỈ TIÊU	Mã số	2008 VND	2007 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH 31		-	148.978.600.000
Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(148.978.600.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	183.000.000.000	11.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(162.386.342.000)	(6.386.342.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(240.788.494.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(220.174.836.000)</b>	<b>4.613.658.000</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>66.813.969.445</b>	<b>31.136.413.118</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>94.472.039.856</b>	<b>63.335.626.738</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>161.286.009.301</b>	<b>94.472.039.856</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THU HƯƠNG



## F. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP:

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh.

Khi mới thành lập, Công ty TNHH mía đường Bourbon Tây Ninh là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 1316/GP ngày 15/07/1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp.

Theo Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 1316A/GP ngày 22/05/2000, kể từ năm 2000, Công ty đã được chấp thuận chuyển thành doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài do Groupe Bourbon (G.B), trụ sở đặt tại B.P.2 La Mare 97438 Sainte-Marie, tỉnh Réunion, Cộng hoà Pháp thành lập.

Ngày 23/03/2007, Công ty đã chính thức chuyển thành Công ty cổ phần và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23/03/2007, điều chỉnh lần thứ 1 ngày 17/04/2007, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 27/08/2007, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 07/05/2008 và điều chỉnh lần thứ 4 ngày 04/06/2008, theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 1.419.258.000.000 VND, bao gồm 141.925.800 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ đông sáng lập nắm giữ 72.402.000 cổ phần tối thiểu trong 3 năm, chiếm 51,014%, bao gồm :

+ Tập đoàn Bourbon	72.382.000 cổ phần
+ Ông Lê Văn Đình	10.000 cổ phần
+ Ông Jacques de CHATEAUVIEUX	10.000 cổ phần

Theo quyết định số 27/QĐ-SGDCKHCM của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 02 năm 2008, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo các nội dung sau :

- Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông;
- Mã chứng khoán : SBT
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu : 44.824.172 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá : 448.241.720.000 đồng.

Ngày 25/02/2008, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch.

Theo giấy chứng nhận đầu tư, hoạt động của Công ty là :

- Sản xuất đường, các sản phẩm phụ;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;
- Sản xuất điện thương phẩm và điện để tự sử dụng;
- Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;
- Trồng mía và đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng mía;
- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, các công trình dân dụng;
- Xây dựng và kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Xây dựng siêu thị.



Trong năm 2008, hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường, các sản phẩm phụ, sản xuất điện; đầu tư trợ giúp nông dân phát triển việc trồng mía.

Thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư ngày 15/07/1995; Và Công ty chính thức đi vào hoạt động sản xuất từ tháng 11/1998.

Văn phòng và nhà máy của Công ty được đặt tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Ngoài ra, Công ty còn có văn phòng đại diện và thương mại được đặt tại lầu 10, Tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số công nhân viên của Công ty là 409 người.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

### 4.1 Quy ước kế toán chung

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Lãi (lỗ) do chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ trên được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc ngoại tệ (bao gồm cả phần thanh toán nội bộ) được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Công cụ và dụng cụ	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Phế liệu (mật rỉ)	- giá thực tế có thể bán được.
Thành phẩm	- giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.
CP sản xuất dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoàn thành công việc.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 4.6 Tài sản cố định

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí cải tạo và làm mới chủ yếu thì được ghi vào tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xoá sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo thời gian hữu ích của tài sản và phù hợp với quy định của nhà nước của Việt Nam. Thời gian khấu hao cho một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	từ 10 đến 30 năm
Máy móc thiết bị	từ 6 đến 20 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Dụng cụ quản lý	từ 3 đến 5 năm
Chi phí giải tỏa đất	từ 40 đến 48 năm
Phần mềm kế toán	từ 3 đến 6 năm





#### 4.7 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận phát sinh từ các khoản đầu tư này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở thông báo phân phối lợi nhuận từ các công ty này.

Các khoản đầu tư nông dân

Các khoản đầu tư nông dân thể hiện các khoản cho vay, cấp cấp cho nông dân để trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá.

Dự phòng được lập cho các khoản vay mà khả năng thu hồi không chắc chắn, trong đó:

Khoản đầu tư quá hạn :	Mức lập dự phòng
- Từ 3 năm	100% khoản nợ quá hạn
- Từ 2 đến dưới 3 năm	70% khoản nợ quá hạn
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% khoản nợ quá hạn
- Từ 3 tháng đến dưới 1 năm	30% khoản nợ quá hạn

Các khoản đầu tư khác:

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản mua công trái, trái phiếu hoặc đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc nắm giữ trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư bị giảm giá.

#### 4.8 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### 4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 4.10 Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

Công ty trích bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế dựa trên lương cơ bản như sau :

- Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 15% và 5% trừ lương công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 2% và 1% trừ lương công nhân viên.



#### 4.11 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo bộ luật lao động Việt Nam, nhân viên của Công ty được hưởng trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoản thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của nhân viên tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

#### 4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN bằng 10% lợi nhuận thu được trong suốt thời gian hoạt động và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm kể từ năm kinh doanh có thu nhập chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Công ty được chuyển lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào sang năm tính thuế tiếp theo và được bù khoản lỗ đó bằng lợi nhuận của những năm tiếp theo, nhưng được không quá 5 năm.

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 5.1 Tiền

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Tiền mặt - VND	2.511.532.848	3.447.323.358
Tiền gửi ngân hàng - VND	8.053.904.684	4.532.471.004
Tiền gửi ngân hàng - USD	680.571.769	992.245.494
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng - VND	150.040.000.000	85.500.000.000
	<b>161.286.009.301</b>	<b>94.472.039.856</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 40.087,87 tương đương với 680.571.769 VND.



## 5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Phải thu thương mại	36.224.345.314	(a)	52.139.704.646
Ứng trước cho nhà cung cấp	10.208.071.584	(b)	21.921.933.973
Phải thu khác	103.813.639.727	(c)	56.037.022.225
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(588.596.004)	(d)	(200.233.648)
	<b>149.657.460.621</b>		<b>129.898.427.196</b>

(a): Đây là các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty.

(b): Đây là các khoản phải ứng trước cho nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư và các dịch vụ cho Công ty, chi tiết như sau :

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Ứng trước cho nhà cung cấp trong nước	2.912.792.854		17.299.299.193
Ứng trước cho nhà cung cấp nước ngoài	236.998.437		1.104.871.447
Ứng trước cho nông dân/mua mía	7.058.280.293		3.517.763.333
	<b>10.208.071.584</b>		<b>21.921.933.973</b>

(c): bao gồm :

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Ngân hàng /Lãi dự thu	3.415.872.845		18.559.530.656
Dự án Trung tâm Thương mại	37.095.240.587	(*)	36.541.501.600
Ứng tiền cho Công ty CP Việt Âu	55.000.000.000	(**)	-
Phải thu Quỹ Jaccar khoản chi hộ tiền mua cổ phiếu của công nhân viên Công ty	4.833.991.870		-
Phân Baconco dùng cho đầu tư vùng nguyên liệu để tại các đại lý	2.607.906.159		-
Các khoản khác	860.628.266		935.989.969
	<b>103.813.639.727</b>		<b>56.037.022.225</b>

(\*) : Bao gồm 36.268.281.000 VND là khoản tiền thuê lô đất để xây dựng Trung tâm Thương mại – dịch vụ Tây Ninh với thời gian thuê là 50 năm và 586.082.600 VND là chi phí thiết kế dự án và khảo sát địa chất. Đến nay, dự án Trung tâm thương mại vẫn đang trong giai đoạn thiết kế và lập dự án đầu tư.

(\*\*) : Đây là khoản tiền ứng cho Công ty CP Việt Âu để mua lại 5.500.000 cổ phiếu Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bourbon An Hòa thuộc quyền sở hữu của công ty này theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký kết ngày 12/12/2008. Đến ngày 31/12/2008, việc đăng ký quyền sở hữu cổ phiếu chuyển nhượng cho Công ty chưa hoàn tất.



## 5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

(d): Dự phòng các khoản phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2008 như sau:

	Số dư 31/12/2008 VND	Trong đó: nợ khó đòi VND	Tỷ lệ DP	Lập dự phòng nợ khó đòi VND
Phải thu khách hàng	36.224.345.314	-	-	-
Trả trước cho nhà cung cấp	10.208.071.584	580.485.221	50%- 100%	388.362.356
Các khoản phải thu khác	103.813.639.727	200.233.648	100%	200.233.648
	<b>150.246.056.625</b>	<b>780.718.869</b>		<b>588.596.004</b>

## 5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Nhiên liệu, hoá chất, bao bì, phụ tùng thay thế,	35.367.997.024		27.619.267.151
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.176.302.514	(*)	11.023.661.778
Thành phẩm tồn kho/ đường	143.844.135.019		112.885.436.244
Thành phẩm tồn kho/ mật	9.251.296.856		8.621.068.988
Hàng hoá/đường	35.928.107.490		-
Dự phòng giảm giá vật tư chậm luân chuyển	(4.261.075.649)		(4.261.075.649)
	<b>233.306.763.254</b>		<b>155.888.358.512</b>

(\*) Chi phí sản xuất dở dang bao gồm:

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Hom mía trên đồng	941.807.321		326.171.534
Đường	9.970.773.918		8.896.265.320
Mật	2.263.721.275		1.801.224.924
	<b>13.176.302.514</b>		<b>11.023.661.778</b>



## 5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Chi phí thuê nhà	30.100.000		27.100.000
Chi phí nước sản xuất	540.000.000		410.400.000
Chi phí làm đường nội đồng	288.533.351		-
Chi phí khác	624.000		2.747.000
	<b>859.257.351</b>		<b>440.247.000</b>

## 5.5 Thuế phải thu

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp thừa)	2.495.240.490		-

## 5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
Tạm ứng cho nhân viên	2.880.371.443		1.949.539.267
Ký quỹ ngắn hạn	29.202.750		29.202.750
<b>Cộng</b>	<b>2.909.574.193</b>		<b>1.978.742.017</b>





5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	01/01/2008	Tăng	Giảm do thanh lý	31/12/2008
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	273.567.204.823	379.503.126	-	273.946.707.949
Máy móc, thiết bị	1.181.237.234.388	8.625.400.730	-	1.189.862.635.118
Phương tiện vận tải	11.021.430.943	2.779.429.820	(448.395.945)	13.352.464.818
Dụng cụ quản lý	6.770.057.486	19.450.000	-	6.789.507.486
TSCĐ khác	58.651.287.965	-	-	58.651.287.965
	<b>1.531.247.215.605</b>	<b>11.803.783.676</b>	<b>(448.395.945)</b>	<b>1.542.602.603.336</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	87.642.696.477	9.675.471.450	-	97.318.167.927
Máy móc, thiết bị	565.872.490.309	57.057.515.944	-	622.930.006.253
Phương tiện vận tải	8.949.664.728	730.922.909	(216.059.556)	9.464.528.081
Dụng cụ quản lý	6.000.118.034	249.771.741	-	6.249.889.775
TSCĐ khác	41.514.031.668	2.972.076.748	-	44.486.108.416
	<b>709.979.001.216</b>	<b>70.685.758.792</b>	<b>(216.059.556)</b>	<b>780.448.700.452</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	185.924.508.346			176.628.540.022
Máy móc, thiết bị	615.364.744.079			566.932.628.865
Phương tiện vận tải	2.071.766.215			3.887.936.737
Dụng cụ quản lý	769.939.452			539.617.711
TSCĐ khác	17.137.256.297			14.165.179.549
	<b>821.268.214.389</b>			<b>762.153.902.884</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 159.681.097.065 VND.



5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	01/01/2008 VND	Tăng VND	Giảm VND	31/12/2008 VND
<b>Nguyên giá</b>				
Chi phí giải toả đất	3.199.528.129	-	-	3.199.528.129
Khác/phần mềm vi tính	2.489.481.400	407.847.800	-	2.897.329.200
	<b>5.689.009.529</b>	<b>407.847.800</b>	<b>-</b>	<b>6.096.857.329</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Chi phí giải toả đất	689.343.909	69.263.702	-	758.607.611
Khác/phần mềm vi tính	1.333.706.399	272.451.643	-	1.606.158.042
	<b>2.023.050.308</b>	<b>341.715.345</b>	<b>-</b>	<b>2.364.765.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Chi phí giải toả đất	2.510.184.220			2.440.920.518
Khác/phần mềm vi tính	1.155.775.001			1.291.171.158
	<b>3.665.959.221</b>			<b>3.732.091.676</b>

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Hệ thống cấp thoát nước (thiết bị tưới)	6.084.829.602	6.084.829.602
Chi phí XD CB dở dang tại Làng Bourbon	68.722.000	68.722.000
Các hạng mục khác/ sửa chữa TSCĐ	482.928.012	3.465.428.506
Dự phòng giảm giá thiết bị tưới	(4.056.553.068)	(4.056.553.068)
	<b>2.579.926.546</b>	<b>5.562.427.040</b>

5.10 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2008 VND	01/01/2008 VND
Đầu tư vào Công ty CP Bourbon An Hòa	245.000.000.000	-

Đây là giá trị góp vốn vào Công ty cổ phần Bourbon An Hòa (tương ứng với 24.500.000 cổ phần), chiếm 49% vốn điều lệ của công ty này theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3900471864 do Sở kế hoạch và đầu tư Tây Ninh cấp ngày 10/09/2008. Việc đầu tư này đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo quyết định số 01/08/QĐ-HĐQT ngày 25/08/2008.

Đến ngày 31/12/2008, Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bourbon An Hòa vẫn đang trong giai đoạn đầu tư.



## 5.11 Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn

## Phân loại theo thời gian

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>			
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (>3 tháng)	-		282.100.000.000
Đầu tư người trồng mía	110.551.040.326		95.511.687.116
Đầu tư khác	249.923.728		257.650.426
	110.800.964.054		377.869.337.542
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.353.247.466)		(1.665.329.244)
<b>Còn lại</b>	<b>108.447.716.588</b>		<b>376.204.008.298</b>
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>			
Mua cổ phiếu	113.895.000.000		75.700.000.000
Đầu tư người trồng mía	22.196.205.491		41.996.919.989
Đầu tư khác	574.731.649		563.637.928
	136.665.937.140		118.260.557.917
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(51.019.323.923)		(286.745.453)
<b>Còn lại</b>	<b>85.646.613.217</b>		<b>117.973.812.464</b>
	<b>194.094.329.805</b>		<b>494.177.820.762</b>

## Phân loại theo tính chất

	31/12/2008 VND		01/01/2008 VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	-		282.100.000.000
<b>Đầu tư người trồng mía</b>			
Trồng mía	84.435.086.690		88.826.452.421
Mua đất và thuê đất trồng mía	48.312.159.127		48.682.154.684
	132.747.245.817		137.508.607.105
<b>Mua cổ phiếu</b>	<b>113.895.000.000</b>	(a)	<b>75.700.000.000</b>
<b>Đầu tư khác</b>			
Chi phí đầu tư Làng Bourbon (LBB)	531.103.797		493.872.559
Cho nhân viên vay xây nhà tại LBB	293.551.580		
	327.415.795		
	824.655.377		821.288.354
Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(53.372.571.389)	(b)	(1.952.074.697)
	<b>194.094.329.805</b>		<b>494.177.820.762</b>



### 5.11 Các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác (tiếp theo)

(a): Vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, khoản đầu tư dài hạn của Công ty - mua cổ phiếu của các công ty khác bao gồm:

Công ty	Số cổ phiếu nắm giữ	Mệnh giá	Giá mua
Công ty CP VLXD Tây Ninh	140.000	10.000	1.400.000.000
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL)	749.500	10.000	77.495.000.000
Tổng Công ty cổ phần rượu - bia - nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	500.000	10.000	35.000.000.000
	<b>1.389.500</b>		<b>113.895.000.000</b>

(b): Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào ngày 31/12/2008 như sau:

	Số dư 31/12/2008 VND	Trong đó: Cần lập dự phòng VND	Tỷ lệ dự phòng	Đã lập dự phòng VND
<b>Đầu tư người trồng mía :</b>				
Trồng mía	84.435.086.690	3.793.399.272		1.799.310.606
- Vụ 05/06 trở về trước	3.793.399.272	3.793.399.272	30% - 100%	1.799.310.606
- Vụ 06/07 đến 09/10	80.641.687.418	-	-	-
Mua/ thuê đất trồng mía	48.312.159.127	1.774.646.568		553.936.860
- Mua đất (nông dân)	4.447.543.607	884.944.297	30% - 50%	274.366.180
- Thuê đất (nông dân)	37.922.708.555	929.702.271		279.570.680
- Mua đất (nhân viên Cty)	5.941.906.965	-	-	-
	132.747.245.817	5.538.045.840		2.353.247.466
<b>Đầu tư khác :</b>				
Chi phí đầu tư LBB	531.103.797	-	-	-
Nhân viên vay xây nhà	293.551.580	242.823.923	100%	242.823.923
Mua cổ phiếu VLXD Tây Ninh	1.400.000.000	-		-
Mua cổ phiếu HAGL	77.495.000.000	30.276.500.000		30.276.500.000
Mua cổ phiếu Sabeco	35.000.000.000	20.500.000.000		20.500.000.000
	114.719.655.377	51.019.323.923		51.019.323.923
	<b>247.466.901.194</b>	<b>56.557.369.763</b>		<b>53.372.571.389</b>
<b>Trong đó :</b>				
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn đến hạn thu hồi				2.353.247.466
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn				51.019.323.923



## 5.12 Chi phí trả trước dài hạn

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Tiền thuê đất trả trước	5.413.723.060	(*)	5.413.723.060
CP công cụ, dụng cụ chờ kết chuyển	303.596.282		114.687.654
Chi phí bảo trì chờ kết chuyển	2.166.695.639		2.535.644.824
Chi phí trả trước khác	-		108.206.140
	<b>7.884.014.981</b>		<b>8.172.261.678</b>

(\*) : Đây là khoản trả trước tiền thuê 666.789m<sup>2</sup> đất từ ngày 01/01/2009 đến 15/07/2045.

## 5.13 Tài sản dài hạn khác

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Ký quỹ thuê văn phòng	124.247.000		124.247.000

## 5.14 Vay và nợ ngắn hạn

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Vay Ngân hàng TMCP Phương Nam	-		7.000.000.000
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam	30.000.000.000	(a)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.386.342.000	(b)	2.386.342.000
	<b>32.386.342.000</b>		<b>9.386.342.000</b>

(a) 30.000.000.000 VND là khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II theo hợp đồng tín dụng số 08.9701/HĐTDHM ngày 01/12/2008 với hạn mức tín dụng là 100 tỷ VND để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể với thời gian tối đa là 9 tháng, lãi suất vay hiện hành là 11,50%/năm.

Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp toàn bộ dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất đường đặt trong khuôn viên nhà máy tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh theo hợp đồng thế chấp tài sản số 08.9701/HĐTC ngày 01/12/2008; trường hợp phát sinh quyền đòi nợ, quyền phải thu, lợi tức phát sinh từ tài sản thế chấp thì các quyền đòi nợ, quyền phải thu, lợi tức này cũng thuộc tài sản thế chấp.

(b) Nợ dài hạn đến hạn trả là khoản nợ vay Công ty TNHH một thành viên Mía đường Tây Ninh đến hạn trả trong năm 2009 (xem thêm tại mục 5.20 dưới đây).



## 5.15 Phải trả người bán và người mua ứng trước

	31/12/2008		01/01/2008
	VND		VND
Phải trả người bán	6.760.112.982		14.158.563.310
Người bán mía	5.638.707.444		10.846.514.486
Các nhà cung cấp khác	1.121.405.538		3.312.048.824
Người mua ứng trước	7.823.317.201		14.031.164.080
	<b>14.583.430.183</b>		<b>28.189.727.390</b>

## 5.16 Thuế phải nộp

	31/12/2008		01/01/2008
	VND		VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.122.680.176		1.957.478.138
Thuế thu nhập cá nhân	69.330.350		32.304.680
	<b>1.192.010.526</b>		<b>1.989.782.818</b>

## 5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2008		01/01/2008
	VND		VND
Chi phí lãi vay phải trả	317.541.111		324.403.383
Lương phép phải trả cho nhân viên	614.091.300		758.003.070
Phải trả nông dân/tiền mía, thưởng	23.522.969.217		16.341.348.222
Các chi phí phải trả khác	1.141.718.359		588.887.155
	<b>25.596.319.987</b>		<b>18.012.641.830</b>

## 5.18 Chi tiết các khoản phải trả các đơn vị thuộc tập đoàn Bourbon

	31/12/2008		01/01/2008
	VND		VND
Tập đoàn Bourbon/phí chuyển giao CN	9.088.522.790		5.673.706.445





## 5.19 Phải trả khác

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	24.824.797		24.824.797
Doanh thu cho thuê nhận trước	212.500.000		0
Nhận ký quỹ	50.000.000		83.000.000
Phải trả nông dân/ công đồn và vận chuyển	2.557.264.221		6.611.415.463
Mượn tiền Công ty CP Bourbon An Hòa	200.000.000.000	(*)	0
Cổ tức phải trả	485.366.000		0
Các khoản phải trả khác	509.321.937		865.072.533
	<b>203.839.276.955</b>		<b>7.584.312.793</b>

(\*): Đây là khoản tiền mượn từ Công ty cổ phần Bourbon An Hòa (công ty liên kết) theo thỏa thuận mượn vốn ngày 22/12/2008 để bổ sung vốn lưu động trong mùa vụ sản xuất, không có lãi suất và không quy định thời hạn.

## 5.20 Vay dài hạn

	<b>31/12/2008</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2008</b> <b>VND</b>
Vay Công ty TNHH MTV Mía đường Tây Ninh	27.442.931.000		29.829.273.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	(2.386.342.000)		(2.386.342.000)
	<b>25.056.589.000</b>		<b>27.442.931.000</b>

(\*): Đây là số dư của khoản vay theo hợp đồng số 01/HDTD ngày 17/11/1999 và phụ kiện hợp đồng số 04/PKHĐTĐ-MĐ ngày 18/05/2005 :

- Tổng số tiền được vay là 36 tỷ đồng (nguồn gốc từ vốn AFD : Quỹ phát triển của Pháp), với lãi suất 4,62%/năm,
- Thời hạn vay là 20 năm (từ 06/01/2000 đến 10/04/2020), trong đó có 5 năm ân hạn, mỗi năm trả nợ gốc 2 lần vào các ngày 10/4 và 10/10.
- Khoản vay này được sử dụng để tài trợ chi phí đầu tư để trồng 4.500 ha của hộ nông dân thuộc quản lý của Công ty.
- Khoản vay này đến hạn phải trả trong năm 2009 là 2.386.342.000 VND.



## 5.21 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

### 5.21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>						
Số dư	1.524.042.639.000	-	-	-	(104.784.226.077)	1.419.258.412.923
01/01/2007						
Phát hành	1.419.258.000.000	-	-	-	-	1.419.258.000.000
<b>cổ phiếu</b>						
Điều chỉnh giảm vốn đầu tư của Group Bourbon	(1.524.042.639.000)	-	-	-	104.784.226.077	(1.419.258.412.923)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	191.321.459.895	191.321.459.895
<b>Số dư 31/12/2007</b>	<b>1.419.258.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>191.321.459.895</b>	<b>1.610.579.459.895</b>
<b>Năm nay</b>						
Số dư 01/01/2008	1.419.258.000.000	-	-	-	191.321.459.895	1.610.579.459.895
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	81.524.157.092	81.524.157.092
Phân phối lợi nhuận	-	5.739.643.797	9.566.072.995	5.704.783.103	(21.010.499.895)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(241.273.860.000)	(241.273.860.000)
Chi quỹ	-	(210.189.500)	-	(4.964.736.911)	-	(5.174.926.411)
<b>Số dư 31/12/2008</b>	<b>1.419.258.000.000</b>	<b>5.529.454.297</b>	<b>9.566.072.995</b>	<b>740.046.192</b>	<b>10.561.257.092</b>	<b>1.445.654.830.576</b>

• Vốn điều lệ của Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp vào ngày 23/03/2007 là 1.419.258.000 đồng được chia thành 141.925.800 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng, chi tiết như sau :

Cổ đông sáng lập	72.402.000 cổ phần	chiếm 51,014%
- Groupe Bourbon	72.382.000 cổ phần	
- Ông Lê Văn Dĩnh	10.000 cổ phần	
- Ông Jacques de Chateaufieux	10.000 cổ phần	
Cổ đông khác	69.523.800 cổ phần	chiếm 48,986%

- Quỹ đầu tư phát triển trong năm tăng 5.739.643.797 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.
- Quỹ dự phòng tài chính trong năm tăng 9.566.072.995 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm tăng 5.704.783.103 VND từ phân phối lợi nhuận của năm 2007.

### 5.21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của Group Bourbon	723.820.000.000	723.820.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	695.438.000.000	695.438.000.000
	<b>1.419.258.000.000</b>	<b>1.419.258.000.000</b>



## 5.21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.419.258.000.000	-
+ Vốn góp tăng trong năm	-	1.419.258.000.000
+ Vốn góp cuối năm	1.419.258.000.000	1.419.258.000.000
Đã chi trả cổ tức trong năm	241.273.860.000	-

## 5.21.4 Cổ phiếu phổ thông

	Năm 2008	Năm 2007
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	141.925.800	141.925.800
Số lượng cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	141.925.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.925.800	141.925.800
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng	10.000 đồng

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 6.1 Doanh thu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán đường	500.036.166.921	595.943.701.856
Doanh thu bán mật	35.193.762.571	43.355.782.476
Doanh thu bán điện	22.103.014.106	29.925.369.473
Doanh thu sản phẩm nông nghiệp	4.716.727.389	4.933.907.187
Doanh thu khác	1.273.122.208	186.285.714
Trừ: Các khoản giảm trừ doanh thu	(517.474.210)	(73.215.426)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>562.805.318.985</b>	<b>674.271.831.280</b>
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	28.085.909.698	28.547.078.894
Lãi đầu tư nông dân	15.813.488.824	14.820.638.852
Cổ tức nhận được	2.914.953.800	-
Lãi cho vay	9.984.657.545	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	55.036.175	46.015.552
Thu lãi bán hàng trả chậm	141.338.600	238.400.000
	<b>56.995.384.642</b>	<b>43.652.133.298</b>



## 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn đường	384.856.517.697	418.895.973.693
Giá vốn mật	37.036.143.195	43.466.723.162
Giá vốn điện	22.078.857.586	29.925.369.473
Giá vốn sản phẩm nông nghiệp	2.856.284.115	2.958.806.742
Giá vốn khác	722.820.000	-
	<b>447.550.622.593</b>	<b>495.246.873.070</b>

## 6.3 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.953.819.944	1.483.636.766
Lỗ chênh lệch tỷ giá	113.556.739	249.864.056
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	51.420.496.692	(1.588.619.070)
	<b>53.487.873.375</b>	<b>144.881.752</b>

## 6.4 Chi phí bán hàng

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nhân viên	2.509.257.999	2.038.817.573
Chi phí đồ dùng văn phòng, vật liệu khác	42.448.412	90.244.278
Chi phí khấu hao tài sản	1.573.402.790	1.578.691.478
Chi phí thuê nhà, kho	1.060.146.987	1.014.103.818
Chi phí vận chuyển	9.490.287.935	9.010.855.243
Các chi phí khác	619.653.390	1.253.143.859
	<b>15.295.197.513</b>	<b>14.985.856.249</b>

## 6.5 Chi phí quản lý

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Chi phí nhân viên	8.790.065.616	8.095.219.664
Chi phí vật liệu quản lý	468.171.614	691.101.987
Chi phí khấu hao tài sản	1.616.868.681	1.617.371.506
Thuế, phí và lệ phí	164.945.642	450.103.428
Điện thoại, điện, nước, sửa chữa, bảo hiểm	841.651.762	793.772.349
Chi phí thuê /mướn (xe, bảo vệ,..)	1.215.390.013	992.652.032
(Hoàn nhập)/dự phòng nợ khó đòi	388.362.356	(209.654.648)
Chi phí quản lý trại hom giống	700.236.464	1.121.103.998
Chi phí tiếp khách, công tác, đào tạo	427.627.900	487.899.220
Phí ngân hàng	124.756.121	114.085.778
Các chi phí khác	4.750.710.621	2.364.611.119
	<b>19.488.786.790</b>	<b>16.518.266.433</b>



## 6.6 Lợi nhuận khác

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	69.663.611	303.472.554
Thu nhập khác	303.559.880	-
Chi phí khác	-	(10.099.733)
	<b>373.223.491</b>	<b>293.372.821</b>

## 6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lợi nhuận trước thuế theo kế toán	84.351.446.855	191.321.459.895
Cộng : Chi phí không được khấu trừ	624.368.765	-
Trừ : lợi nhuận không chịu thuế (cổ tức)	(2.914.953.800)	-
Trừ : Chuyển lỗ của năm 2003	(25.515.066.570)	-
Lợi nhuận tính thuế	56.545.795.250	191.321.459.895
Thuế suất (10% x 50%)	5%	Được miễn
<b>Dự trữ thuế TNDN phải nộp năm nay</b>	<b>2.827.289.763</b>	-

## 6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	81.524.157.092	191.321.459.895
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	81.524.157.092	191.321.459.895
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	141.925.800	141.925.800
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>574</b>	<b>1.348</b>



## 7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Nghiệp vụ phát sinh trong năm với Group Bourbon như sau:

Công ty	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND
Group Bourbon	Công ty mẹ	Phí chuyển giao công nghệ	(14.942.962.469)
Công ty CP Bourbon An Hòa	Công ty liên kết	Đầu tư vốn	245.000.000.000
		Mượn tiền	(200.000.000.000)

Vào ngày 31/12/2008, khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	VND
Group Bourbon	Công ty mẹ	Phải trả phí chuyển giao công nghệ	9.088.522.790
Công ty CP Bourbon An Hòa	Công ty liên kết	Mượn tiền	200.000.000.000

### 7.2 Trình bày lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm hiện hành, chi tiết như sau:

Khoản mục	Số liệu trên báo cáo năm trước	Số liệu trình bày lại
Chi phí tài chính	1.733.500.822	144.881.752
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.929.647.363	16.518.266.433

Tây Ninh, ngày 09 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM THỊ THU HƯƠNG











Б

**CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH**  
**SOCIETE DE BOURBON TAY NINH**

[www.bourbontn.com.vn](http://www.bourbontn.com.vn)

**Văn phòng thương mại / Bureau Commercial**

No 10.3, Building E-Town 2, 364 Cong Hoa,  
Tan Binh, Ho Chi Minh, Viet Nam  
Tel: (84-8) 3 810 7269 - Fax: (84-8) 3 810 9296  
Email: bourbonsugar@vnn.vn

**Trụ sở / Siège social**

Tan Hung, Tan Chau, Tay Ninh, Viet Nam  
Tel: (84-66) 3 753 250 - Fax: (84-66) 3 839 834  
Email: sbttinh@hcm.vnn.vn